

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Hội đồng thành viên và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
TP. HỒ CHÍ MINH	
Số:	
ĐẾN Ngày:	30-01-2024
Chuyển:	

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN**

Năm 2023

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Báo cáo của Hội đồng thành viên	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 07
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023	11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2023	12 – 27

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (Được chuyển đổi từ Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, GCNĐKKD số: 4106000223, cấp ngày 31/12/1997, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh)

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0300426374 đăng ký lần 03 ngày 08 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Hoạt động công ích: Quản lý các hoạt động giải trí Thảo cẩm viên; Duy tu, bảo dưỡng chuồng trại và chăm sóc phát triển các loại thú, cây xanh trong khu vực; Tổ chức hoạt động về giáo dục bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm cho các đối tượng: học sinh, sinh viên và du khách; Nghiên cứu khoa học, phục vụ công tác chăm sóc, phát triển và nhân giống bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm: Tư vấn, thi công, trang trí ngoại thất, tiểu cảnh, sân vườn.

Hoạt động kinh doanh khác: kinh doanh các dịch vụ Thảo Cẩm Viên.

Trụ sở chính đặt tại: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm:

Bà Huỳnh Thu Thảo	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)
Ông Huỳnh Văn Phùng	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2022)
Bà Vũ Thị Hương Giang	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2024)

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Bà Vũ Thị Hương Giang	Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2024)
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2017)
Ông Nguyễn Thanh Nhựt	Phó Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Kim Phúc	Phụ trách kế toán	(bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2023)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng thành viên đối với báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng thành viên Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng thành viên Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng thành viên Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

TM. Hội đồng thành viên

Chữ tích



Huỳnh Thu Thảo

Số: 19...../BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn***Kính gửi: - Hội đồng thành viên & Ban Giám đốc****Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 kèm theo của **Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn** được lập ngày 26 tháng 01 năm 2024 từ trang 08 đến trang 27 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng thành viên cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

a/ Theo Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt, tiền chậm nộp số 332661/TB-CCT-KĐT ngày 15/12/2023 của Chi cục Thuế Quận 1 xác định số tiền thuế còn phải nộp cho diện tích đất tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 693.633.599.438 đồng, trong đó :

- Số tiền thuế và các khoản phải thu khác đến ngày 30/11/2023 là 645.519.130.784 đồng;
- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 30/11/2023 là 48.114.468.654 đồng.

b/ Chi cục thuế Quận 1 đã ra Quyết định cưỡng chế thuế với tổng số tiền là 612.937.549.761 đồng theo 2 quyết định cưỡng chế thuế:

+ Quyết định số 38906/QĐ-CCT-CC ngày 07/11/2023 cưỡng chế bằng hình thức yêu cầu kho bạc nhà nước trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản số 375 1010 61413 của Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn để thu thuế;

+ Quyết định số 38907/QĐ-CCb/T-CC ngày 07/11/2023 cưỡng chế bằng hình thức yêu cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM trích tiền từ tài khoản/phong tỏa tài khoản số 1020 100000 86310 của Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn để thu thuế.

c/ Tuy nhiên, tiền thuê đất còn phải nộp Nhà nước theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn đến ngày 31/12/2023 là 0 đồng.

- Trong năm 2023, đơn vị chỉ ghi nhận khoản tiền thuê đất phải nộp với số tiền là 6.535.143.199 đồng (đây là khoản tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp tương ứng với diện tích đất 5.590m² trong tổng số 158.117 m² tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Theo ý kiến của đơn vị, ngày 28/11/2022 Công ty TNHH MTV Thảo Cầm Viên Sài Gòn đã gửi văn bản số 378/TCV, văn bản số 67/TCV ngày 27/02/2023, văn bản số 363/TCV ngày 08/06/2023, văn bản số 912/TCV ngày 13/12/2023 báo cáo tình hình khó khăn, vướng mắc về nộp tiền thuê đất và kiến nghị xin được khoan nợ, xin đề xuất, kiến nghị các phương án xác định diện tích đất nộp tiền thuê đất hàng năm. Công ty xin đề xuất chọn phương án xác định số tiền thuê đất phải nộp hàng năm căn cứ trên diện tích đất thực tế Thảo Cầm Viên Sài Gòn sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Thảo Cầm Viên Sài Gòn, Phường Bến Nghé, Quận 1. Do đó, số tiền thuê đất phải nộp nêu trên đơn vị chỉ tính căn cứ vào diện tích đất sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ là 5.590m² tương ứng với đơn giá thuê đất là 1.033.363 đồng/m²/năm;

- Chính việc xác định theo ý kiến của đơn vị nêu trên có sự khác biệt và chênh lệch so với cơ quan thuế xác định nên dẫn đến việc xác định thuế phải nộp liên quan có chênh lệch quá lớn, và đơn vị có ý kiến chờ ý kiến của cơ quan chức năng có thẩm quyền quyết định (trong thời gian chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị tạm thời xác định thuế phải nộp theo cách tính đã nêu trên).

Từ các vấn đề nêu trên, trong phạm vi báo cáo này chúng tôi chỉ ghi nhận theo ý kiến của đơn vị, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm các vấn đề có liên quan đến nội dung này, và do đó tình hình tài chính của đơn vị có thể thay đổi tùy thuộc vào vấn đề đã nêu trên (các chỉ tiêu có liên quan đến vấn đề này sẽ được thay đổi cụ thể khi đơn vị thống nhất về tiền thuê đất phải nộp).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cầm Viên Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến ngoại trừ nêu trên, tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý đến số dư trả trước cho người bán, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác trình bày tại thuyết minh V.3, V.6, VI.3 và VI.4 của báo cáo tài chính đính kèm được căn cứ vào số liệu của đơn vị (do phạm vi của báo cáo này chúng tôi không kiểm tra chi tiết hồ sơ liên quan đến việc hình thành, tính pháp lý... của các khoản đã chỉ cho Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi cũng như việc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác), cụ thể như sau:

- Khoản trả trước cho người bán: 6.673.053.636 đồng. Theo ý kiến của đơn vị đây là khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ ...thuộc dự án Sài Gòn Safari do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đã chỉ cho các đối tượng nhưng hồ sơ chưa xong nên chưa quyết toán với Kho bạc Nhà nước (đơn vị ghi nhận theo bảng kê xác nhận khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng gửi tới đơn vị làm cơ sở ghi tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản);

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 684.289.929.059 đồng. Đơn vị ghi nhận theo số liệu của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Củ Chi đã chỉ trả cho các đối tượng nhận tiền bồi thường ...có hồ sơ quyết toán với Kho bạc gửi cho đơn vị làm cơ sở ghi tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản;

- Đơn vị ghi nhận khoản thu tiền giữ xe, thu tiền hàng lưu niệm, đồ chơi ký gởi với số tiền 2.619.050.503 đồng vào doanh thu hoạt động tài chính theo hướng dẫn của Công văn số 6551/UBND-KT ngày 29/12/2023 của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi khoản doanh thu

này được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm theo đúng quy định của chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, do khoản doanh thu này được xác định căn cứ vào các hợp đồng cho thuê bãi giữ xe và thu tiền hàng tháng theo tỷ lệ trên doanh thu cho thuê bãi giữ xe thoả thuận trong hợp đồng, không phải là thu nhập từ chia lãi hoạt động hợp tác đầu tư.

- Trong năm 2023 đơn vị ghi nhận giảm thu nhập khác với số tiền 1.854.545.456 đồng căn cứ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC ngày 30/03/2023 của Thanh tra Sở Tài Nguyên Môi Trường. Đây là khoản thu nhập đã được ghi nhận trong năm 2021, 2022 từ việc cho Công ty CP Mekong Real Property thuê tài sản gắn liền với đất từ ngày 01/01/2021 đến 31/09/2022 được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hằng năm nhưng không đủ điều kiện quy định tại điều 38a của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Phó Tổng Giám đốc

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		74.921.302.842	75.427.077.486
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.154.243.991	65.160.935.405
1. Tiền	111	V.1	63.154.243.991	65.160.935.405
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.955.512.777	7.499.084.989
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	505.276.404	352.085.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.183.141.112	5.940.156.144
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.267.095.262	1.206.843.627
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1.811.546.073	2.527.604.401
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.811.546.073	2.527.604.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			239.452.691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11		239.452.691
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		727.974.991.158	710.520.794.464
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		38.472.018.309	40.604.827.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	38.472.018.309	40.604.827.172
- Nguyên giá	222		135.274.989.928	133.432.446.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.802.971.619)	(92.827.619.784)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		687.599.192.432	669.114.311.057
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	687.599.192.432	669.114.311.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.903.780.417	801.656.235
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.903.780.417	801.656.235
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		802.896.294.000	785.947.871.949

3050117
CÔNG
TNH
DỊCH VỤ T
CHÍNH K
VÀ KIỂM T
PHÍA N
1-T.P.H

3374
TỶ
NHỮ
IN VI
VI
ON
CH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		21.464.885.568	36.104.134.361
I. Nợ ngắn hạn	310		21.061.609.862	36.014.907.155
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.420.864.041	6.701.782.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.214.601.512	1.036.597.012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.663.402.159	11.998.653.251
4. Phải trả người lao động	314	V.12	15.018.595.997	15.810.709.156
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	744.146.153	467.164.782
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322			
II. Nợ dài hạn	330		403.275.706	89.227.206
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		403.275.706	89.227.206
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	V.14	781.431.408.432	749.843.737.588
I. Vốn chủ sở hữu	410		781.431.408.432	749.839.475.725
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.554.534.121	75.914.984.886
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		820.834.471	820.834.471
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.870.620.896	(579.023.192)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(579.023.192)	(3.519.315.438)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		8.449.644.088	2.940.292.246
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		693.185.418.944	673.682.679.560
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			4.261.863
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			4.261.863
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		802.896.294.000	785.947.871.949

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Thu Thảo

Nguyễn Kim Phúc

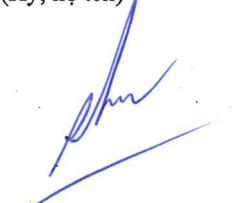
Nguyễn Kim Phúc

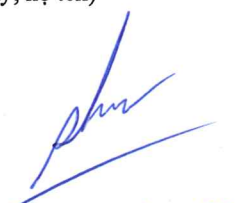
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	137.005.384.484	144.599.542.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		137.005.384.484	144.599.542.495
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	102.870.760.655	100.122.578.811
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		34.134.623.829	44.476.963.684
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.806.845.191	129.746.257
7. Chi phí tài chính	22			239.310
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.729.179.481	25.753.918.582
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		15.212.289.539	18.852.552.050
11. Thu nhập khác	31	VI.4	(1.625.568.890)	(12.968.087.546)
12. Chi phí khác	32	VI.5	2.938.695.273	2.299.984.006
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(4.564.264.163)	(15.268.071.552)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.648.025.376	3.584.480.498
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.198.381.288	644.188.252
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.9	8.449.644.088	2.940.292.246

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

 Nguyễn Kim Phúc


 Nguyễn Kim Phúc

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

 Huỳnh Thu Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	M.Số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		138.562.400.048	159.391.221.809
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(59.979.793.131)	(49.277.695.302)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(45.854.292.533)	(26.673.743.353)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.216.472.779)	(430.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.136.458.571	1.170.557.964
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(47.724.201.012)	(26.129.667.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.900.836)	58.050.673.762
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.118.585.266)	(1.803.213.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		187.406.628	129.746.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.931.178.638)	(1.673.467.379)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.007.079.474)	56.377.206.383
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.160.935.405	8.783.489.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		388.060	239.310
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	63.154.243.991	65.160.935.405

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Thu Thảo

Nguyễn Kim Phúc

Nguyễn Kim Phúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0300426374 đăng ký lần 03 ngày 08 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 617.116.976.729 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy tỷ, một trăm mười sáu triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích.

3. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ chăm sóc thú và hoa viên, bán vé, nước giải khát, ăn uống, cung cấp cây kiểng, giữ xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

6. Nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 252 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 238 người).

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Hội đồng thành viên đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

4.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

4.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

6.1 Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm, dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

6.2 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải trả gánh chịu.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp đã góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

12.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- ### **13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	3.884.059.410	2.338.590.065
* Tiền gửi ngân hàng	59.270.184.582	62.822.345.341
- Tiền VND	59.269.161.905	62.798.872.518
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương	58.448.624.321	
- Kho Bạc Nhà Nước TP.HCM	592.500.000	592.500.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN.Miền Đông	192.351.211	31.840.279.514
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN.Bình Triệu		30.141.999.970
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tp.HCM	35.686.373	224.093.034
- Tiền ngoại tệ (USD)	1.022.677	23.472.823
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN. Bình Triệu		22.302.783
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN. Miền Đông (# 49,62 USD)	1.022.677	1.170.040
Cộng	63.154.243.991	65.160.935.405

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối năm	Số đầu năm
* Phải thu của khách hàng ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu của khách hàng	400.925.385	252.899.500
- Công ty CP Vườn Thú Mỹ Quỳnh	198.400.000	81.600.000
- Câu Lạc Bộ Cưỡi Ngựa Nghệ Thuật Saigon Pony Club	76.140.000	128.440.000
- Công ty TNHH Hoàng Lam	69.469.385	
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Pv Oil) Công ty TNHH MTV	56.916.000	
- Công ty CP Tập Đoàn Mai Linh		42.859.500
* Các khoản phải thu của khách hàng khác	104.351.019	99.185.718
Cộng	505.276.404	352.085.218

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước cho người bán	6.673.053.636	5.655.195.627
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng - Huyện Củ Chi	6.673.053.636	5.655.195.627
* Các khoản trả trước cho người bán khác	1.510.087.476	284.960.517
Cộng	8.183.141.112	5.940.156.144

4. PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
* Phải thu ngắn hạn khác	1.267.095.262		1.206.843.627	
- Bảo hiểm xã hội			87.780.113	
- Tạm ứng	93.153.321		43.000.001	
- Bảo hiểm y tế			3.399.788	
- Bảo hiểm thất nghiệp			2.416.784	
- Phải thu khác	1.173.941.941		1.070.246.941	
Cộng	1.267.095.262		1.206.843.627	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	915.747.826		984.525.122	
- Công cụ, dụng cụ	21.353.328		752.120.458	
- Hàng hóa	874.444.919		790.958.820	
Cộng	1.811.546.073		2.527.604.401	

6. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Xây dựng cơ bản (dự án Sài Gòn Safari)	684.289.929.059	665.805.047.684
+ Chi phí đền bù, thiệt hại	656.457.752.601	637.972.871.226
+ Chi phí trồng cây xanh giai đoạn 1	2.449.681.665	2.449.681.665
+ Chi phí chuẩn bị đầu tư	2.609.226.000	2.609.226.000
+ Chi phí trồng cây xanh giai đoạn 2	22.773.268.793	22.773.268.793
* Công trình khác	3.309.263.373	3.309.263.373
Cộng	687.599.192.432	669.114.311.057

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Chuong trại	Công trình sự nghiệp	Thú nuôi	Cây xanh	Tổng Cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	30.421.529.565	37.629.271.671	7.321.590.911	27.429.696.896	825.131.735	29.322.586.218	482.639.960	133.432.446.956
- Mua trong năm		572.397.307	107.000.000					679.397.307
- Cải tạo sửa chữa								
- Đầu tư XD CB hoàn thành								
- Tăng khác (thứ sinh sản, tặng)						3.639.549.235		3.639.549.235
- Thanh lý, nhượng bán	562.700.000	445.213.182				1.467.808.588	681.800	2.476.403.570
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	29.858.829.565	37.756.455.796	7.428.590.911	27.429.696.896	825.131.735	31.494.326.865	481.958.160	135.274.989.928
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	30.214.792.176	27.477.218.956	6.902.790.385	27.411.948.394	820.869.872			92.827.619.784
- Khấu hao trong năm	206.737.389	4.473.673.255	280.844.007	17.748.502	4.261.863			4.983.265.017
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán	562.700.000	445.213.182						1.007.913.182
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	29.858.829.565	31.505.679.030	7.183.634.392	27.429.696.896	825.131.735			96.802.971.619
III. Giá trị còn lại								
1. Tại ngày đầu năm	206.737.389	10.152.052.715	418.800.526	17.748.502	4.261.863	29.322.586.218	482.639.960	40.604.827.172
2. Tại ngày cuối năm		6.250.776.766	244.956.519			31.494.326.865	481.958.160	38.472.018.309

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 65.911.615.136 đồng.



CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
* Dài hạn	- Công cụ, dụng cụ	270.668.653	123.878.436
	- Chi phí lập trình ứng dụng di động		11.111.131
	- Chi phí lập trình phần mềm quản lý	333.333.336	666.666.668
	- Chi phí phục vụ làm tiêu bản	1.299.778.428	
	Cộng	1.903.780.417	801.656.235

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán	- Công ty TNHH MTV XD Lũng Lô	1.572.241.597	1.572.241.597	4.402.565.233	4.402.565.233
	- Công ty Cổ Phần Bò Công Anh Việt Nam	712.936.000	712.936.000	712.936.000	712.936.000
	- Cửa hàng vật tư nông nghiệp Phong Phú	550.123.097	550.123.097		
	- Công ty TNHH Thép Bảo Tín	309.182.500	309.182.500	1.167.983.500	1.167.983.500
	- Hộ kinh doanh Như Quỳnh			671.142.700	671.142.700
	- Công ty TNHH MTV TVT1828			453.100.000	453.100.000
	- Cửa hàng kinh doanh tổng hợp Thăng Hà			436.573.800	436.573.800
	- Hộ kinh doanh Phúc Huỳnh			350.000.000	350.000.000
* Phải trả cho các đối tượng khác	- Công ty TNHH Hạt Giống Hoa Việt Nam	848.622.444	848.622.444	306.197.590	306.197.590
				304.631.643	304.631.643
	Cộng	2.420.864.041	2.420.864.041	2.299.217.721	2.299.217.721

10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
* Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	- Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh	1.036.597.012	1.036.597.012	1.036.597.012	1.036.597.012
	- Người mua trả tiền trước khác	178.004.500	178.004.500		
	Cộng	1.214.601.512	1.214.601.512	1.036.597.012	1.036.597.012



CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

		Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
-	Thuế GTGT hàng bán nội địa		178.331.399	11.003.675.465	10.764.101.466		417.905.398
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		214.188.252	2.198.381.288	1.216.472.779		1.196.096.761
	Thuế thu nhập cá nhân	239.452.691		374.516.742	135.064.051		
	Thuế nhà đất, tiền thuê đất		11.552.635.816	6.535.143.199	18.087.779.015		
	Các loại thuế khác		53.497.784	346.982.144	351.079.927		49.400.001
Cộng		239.452.691	11.998.653.251	20.458.698.838	30.554.497.239		1.663.402.159

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tiền lương phải trả	
Cộng	

Số cuối năm	Số đầu năm
15.018.595.997	15.810.709.156
15.018.595.997	15.810.709.156

13. PHẢI TRẢ KHÁC

* Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Nhận ký quỹ, ký cược
- Phải trả khác

Cộng	
------	--

Số cuối năm	Số đầu năm
744.146.153	467.164.782
11.616.521	9.374.951
248.482.167	
5.342.780	
5.777.205	
353.000.000	353.000.000
119.927.430	104.789.831
744.146.153	467.164.782



CÔNG TY TNHH MTV THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn kinh phí	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	73.272.717.047	673.152.651.067	820.834.471	17.047.095	(3.519.315.438)	681.660.481.199
- Tăng vốn trong năm trước	2.642.267.839					2.642.267.839
- Lãi trong năm trước					2.940.292.246	2.940.292.246
- Tăng khác		530.028.493				530.028.493
- Giảm vốn trong năm trước				12.785.232		12.785.232
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	75.914.984.886	673.682.679.560	820.834.471	4.261.863	(579.023.192)	749.843.737.588
- Tăng vốn trong năm nay	3.639.549.235					3.639.549.235
- Lãi trong năm nay					8.449.644.088	8.449.644.088
- Tăng khác		19.502.739.384				19.502.739.384
- Giảm vốn trong năm nay				4.261.863		4.261.863
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	79.554.534.121	693.185.418.944	820.834.471		7.870.620.896	781.431.408.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn góp chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của nhà nước	100%	79.554.534.121	75.914.984.886
Cộng	100%	79.554.534.121	75.914.984.886

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	75.914.984.886	73.272.717.047
+ Vốn góp tăng trong năm	3.639.549.235	2.642.267.839
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	79.554.534.121	75.914.984.886
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		
d/ Các quỹ của doanh nghiệp	820.834.471	820.834.471
- Quỹ đầu tư và phát triển	820.834.471	820.834.471

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	49,62	1.001,51
Cộng	49,62	1.001,51

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	137.005.384.484	144.599.542.495
Cộng	137.005.384.484	144.599.542.495

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán	102.870.760.655	100.122.578.811
Cộng	102.870.760.655	100.122.578.811

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	187.406.628	129.746.257
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc ngoại tệ	388.060	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	2.619.050.503	
Cộng	2.806.845.191	129.746.257

Ghi chú (*): Đây là khoản thu nhập từ hoạt động cho thuê bãi giữ xe, tiền hàng lưu niệm, đồ chơi ký gửi trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền "cứu hộ và bảo tồn động vật hoang dã"		298.643.165
- Thu nhập từ khoản hỗ trợ ngân sách thành phố do ảnh hưởng dịch Covid 19 (*)		(13.410.000.000)
- Thu nhập từ tiền tài trợ	223.582.352	
- Thu nhập từ hoạt động cho thuê bãi giữ xe (**)	(1.854.545.000)	
- Thu nhập khác	5.393.758	143.269.289
Cộng	(1.625.568.890)	(12.968.087.546)

Ghi chú (*): Đây là khoản điều chỉnh giảm thu nhập khác căn cứ Công văn số 2500/UBND-KT ngày 21/07/2022 của Ủy Ban Nhân dân TP.HCM về việc chấp thuận theo đề xuất của Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn về việc xin không nhận ngân sách đặc thù do bị ảnh hưởng bởi dịch covid 19 (căn cứ theo Nghị quyết số 122/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân TP.HCM ngày 09/12/2021 về chủ trương chi ngân sách đặc thù hỗ trợ để duy tu, bảo tồn, phát triển cây xanh, chăm sóc nuôi dưỡng động vật tại Thảo Cẩm Viên Sài Gòn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Công ty đã ghi nhận khoản tiền này vào thu nhập khác của năm 2021).

Ghi chú ():** Đây là khoản thu nhập đã được ghi nhận trong năm 2021, 2022 từ việc cho Công ty CP Mekong Real Property thuê tài sản gắn liền với đất từ ngày 01/01/2021 đến 31/09/2022 được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hằng năm mà không đủ điều kiện quy định tại điều 38a của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ. Khoản tiền này đã được nộp vào ngân sách Nhà nước theo Giấy nộp tiền ngày 05/04/2023. căn cứ theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC ngày 30/03/2023 của Thanh tra Sở Tài Nguyên Môi Trường.

5. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	20.735.926	
- Chi phí bồi thường	1.124.489.400	
- Chi phí khác	1.793.469.947	2.299.984.006
Cộng	2.938.695.273	2.299.984.006

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

* Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	8.064.142.523	6.473.214.417
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	23.528.085	236.242.435
- Chi phí đồ dùng văn phòng	560.668.397	1.051.544.133
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.503.691.008	2.012.096.141
- Chi phí khác bằng tiền	8.577.149.468	15.980.821.456
Cộng	21.729.179.481	25.753.918.582

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.481.037.855	30.177.744.981
- Chi phí nhân công	52.969.131.299	49.271.896.261
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.979.003.153	8.014.048.153
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.845.262.251	15.360.326.458
- Chi phí bằng tiền khác	22.039.809.846	17.312.809.874
Cộng	118.314.244.404	120.136.825.727

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.198.381.288	644.188.252
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Cộng	2.198.381.288	644.188.252

9. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	10.648.025.376	3.584.480.498
b- Các khoản điều chỉnh tăng	343.881.063	560.596.667
c- Các khoản điều chỉnh giảm		
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	10.991.906.439	4.145.077.165
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	10.991.906.439	4.145.077.165
+ Các khoản thu nhập khác		
e- Chuyển lỗ của các năm trước		924.135.905
f- Tổng thu nhập tính thuế (f=d-e)	10.991.906.439	3.220.941.260
g- Thuế TNDN phải nộp	2.198.381.288	644.188.252
+ Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.198.381.288	644.188.252
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước ghi nhận vào chi phí thuế TNDN hiện hành		
h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h=a-g)	8.449.644.088	2.940.292.246

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Ngày 04/10/2021, Chi cục Thuế Quận 1 gửi Thông báo số 48030/TB-CCTQ1 xác định số tiền thuê đất hàng năm của Công ty tại địa chỉ số 02 đường Nguyễn Bình Khiêm là 163.392.099.354 đồng/năm (thu 100% diện tích đất) (đơn giá thuê đất: 1.033.362 đồng/m², diện tích phải nộp tiền thuê: 158.117 m²).

Ngày 13/6/2022, Chi cục Thuế Quận 1 ra Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 457029/TB-CCT cho 2 năm 2021, 2022 với số tiền là 355.926.626.869 đồng (trong đó tiền thuê mặt đất hàng năm là 339.318.387.152 đồng, tiền chậm nộp là 16.608.239.717 đồng).

Ngày 15/12/2023, Chi cục Thuế Quận 1 tiếp tục ra Thông báo số 332661/TB-CCT-KĐT xác định số tiền thuê đất phải nộp đến ngày 30/11/2023 cho diện tích đất tại địa chỉ số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là 693.633.599.438 đồng (trong đó tiền thuê mặt đất hàng năm là 645.519.130.784 đồng, tiền chậm nộp là 48.114.468.654 đồng).

Ngày 17/11/2023 cơ quan thuế đã có Quyết định số 38906/QĐ-CCT-CC, Quyết định số 38907/QĐ-CCT-CC về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Thảo Cẩm Viên Sài Gòn đã gửi văn bản số 378/TCV ngày 28/11/2022, văn bản số 67/TCV ngày 27/02/2023, văn bản số 363/TCV ngày 08/06/2023, văn bản số 912/TCV ngày 13/12/2023 báo cáo tình hình khó khăn và xin đề xuất, kiến nghị các phương án xác định diện tích đất nộp tiền thuê đất hàng năm. Theo đó, Công ty xin đề xuất chọn phương án xác định số tiền thuê đất phải nộp hàng năm căn cứ trên diện tích đất thực tế Thảo Cẩm Viên Sài Gòn sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ và đúng cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 6190/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, Phường Bến Nghé, Quận 1.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận số tiền thuê đất còn phải nộp là 0 đồng (Không đồng).

Ban Giám đốc Công ty cho rằng khoản tiền thuê đất phải nộp với số tiền là 693.633.599.438 đồng (căn cứ Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 332661/TB-CCT-KĐT ngày 15/12/2023 Chi cục Thuế Quận 1) chưa đủ cơ sở để ghi nhận là khoản nợ phải trả mà chỉ xem xét như một khoản nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023.

Cho đến hiện nay, Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố đang thẩm định đơn giá thuê để có cơ sở ký hợp đồng thuê đất. Trên cơ sở hợp đồng thuê đất, Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ đóng tiền thuê đất hàng năm đúng theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

2- Thông tin về các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM	Đơn vị chủ quản

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên có liên quan.

Số dư khoản phải trả của bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM	Kinh phí hoạt động	1.036.597.012	1.036.597.012

3- Số liệu so sánh:

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2023 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Phúc

Phụ trách kế toán
(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Phúc

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Thu Thảo